

Bản án số: 258/2022/HS-ST
Ngày: 15-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 216/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2022/QĐST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Lâm Tuấn K, sinh năm: 1983 tại thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Tổ 1, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Tổ 7, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn K và bà: Lê Thúy A; bị cáo có vợ và 02 con (sinh năm 2014 và 2021); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 07/3/2022. (có mặt)

2/ Họ và tên: Trần Hoài Đ, sinh năm: 1985 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ 1, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Tổ 7, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà: Trần Thị B; bị cáo có chồng và 04 con (con lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Trần Hoài Đ và Lâm Tuấn K: Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm: 1959- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu,

thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Quyết định số: 402/QĐ-TGPL ngày 28/11/2022). (Có mặt)

- Bị hại:

1/ Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 1018 Tỉnh lộ 7, ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2/ Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ nên các bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ lên ứng dụng Zalo đặt hàng làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi cầm cố lấy tiền trả nợ. K vẽ sơ đồ miếng đất tại ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Đ liên lạc với người thanh niên tên Quốc Đ (chưa rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0933.268.864 nhờ làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ mà K vẽ với giá 12.000.000 đồng. Đến ngày 26/12/2021, Đ làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gồm các thông tin như sau: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ký hiệu CP585259, Số vào sổ cấp GCN: CS16489, địa chỉ tại hẻm 47 đường N, ấp B, xã N, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 6, diện tích 680.0m², mục đích sử dụng: NT 180.0m², đất trồng cây lâu năm 500m², thời hạn sử dụng: Lâu dài, đứng tên Lâm Tuấn K. Sau đó, Đ gửi Grabbike mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà giao cho K và Đ. K kiểm tra giấy xong và trả phí giao hàng là 500.000 đồng. Sáng ngày 27/12/2021, K và Đ đến nhà bà Lê Thị Ngọc T tại tổ 10, ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cầm giấy chứng nhận giả trên cho bà T và lấy 30.000.000 đồng. K và Đ đến Thế giới di động tại ngã tư Lô 6, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển cho Đ số tiền 12.000.000 đồng, còn 18.000.000 đồng để trả nợ.

Ngày 30/12/2021, K và Đ mang bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà Bà Lê Thị Trúc L tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cầm cố với giá 500.000.000 đồng, bà L đồng ý. Đến 12 giờ 00 phút ngày 31/12/2021, chồng bà L là ông Đinh Tấn Q điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51F-460.73 chở Liều, K và Đ đến trước nhà bà T, bà L đưa cho K và Đ số tiền 50.000.000 đồng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả từ bà T. K và Đ đưa cho bà T 30.750.000 đồng rồi cùng ông Q và bà L đến Văn phòng công chứng Dương Thái Hoàng làm hợp đồng cầm cố. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/12/2021, ông Dương Thái Hoàng (Trưởng Văn phòng Công chứng) phát hiện K và Đ sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên trình báo Công an thị trấn Củ Chi. Tổng tài sản K và Đ chiếm đoạt của người khác là 80.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 192/CT-VKS.CC ngày 26/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố các bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ về

tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lâm Tuấn K mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lâm Tuấn K mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam.

Và áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt cho bị cáo K mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù giam.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hoài Đ mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoài Đ mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam.

Và áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt cho bị cáo Đ mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, ký hiệu CP585259, Sổ vào sổ cấp GCN: CS16489, 01 tờ giấy vẽ sơ đồ lô đất diện tích 10m x 68m thuộc ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, là vật chứng vụ án, đề nghị tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen thu của bị cáo Khôi, bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề nghị trả lại; đối với 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu đỏ thu của bị cáo Đ, bị cáo sử dụng để liên lạc với Quốc Đ, nên tịch thu sung quỹ; Số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 30.750.000 đồng, cơ quan thu của bà T. Đề nghị trả lại cho bà T 30.000.000đồng và sung quỹ số tiền 750.000đồng.

Phần dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã trả cho bà L số tiền 50.000.000đồng, bà L không yêu cầu gì thêm. Bà T có yêu cầu nhận lại số tiền 30.000.000đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan sai gì cho bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K và đề nghị cho bị cáo Đ được cải tạo không giam giữ để nuôi con nhỏ.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đã ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, các quyết định Tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội:

Các bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ đã có hành vi thuê người thanh niên tên Quốc Đ (chưa rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0933.268.864, qua ứng dụng Zalo làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CP585259, Sổ vào sổ cấp GCN: CS16489, đứng tên Lâm Tuấn K, nhằm mục đích thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Lê Thị Ngọc T số tiền 30.000.000đồng và chiếm đoạt của Bà Lê Thị Trúc L số tiền 50.000.000đồng, tổng số tiền các bị cáo K và Đ chiếm đoạt là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất, ngày 27/12/2021, tại nhà của bà Lê Thị Ngọc T, ngụ ấp Gò Nổi, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh các bị cáo K và Đ dùng giấy tờ giả là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CP585259, Sổ vào sổ cấp GCN: CS16489, đứng tên Lâm Tuấn K thế chấp cho bà Lê Thị Ngọc T để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng. Các bị cáo sử dụng số tiền chiếm đoạt để trả tiền làm giấy tờ giả cho Đ thông qua số tài khoản 6877772626 Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB) chủ tài khoản tên Lê Minh T số tiền 12.000.000 đồng, còn 18.000.000 đồng để trả nợ.

Lần thứ hai, ngày 30/12/2021, tại nhà của Bà Lê Thị Trúc L, ấp xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo K và Đ tiếp tục sử dụng giấy tờ giả là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CP585259, Sổ vào sổ cấp GCN: CS16489, đứng tên Lâm Tuấn K thế chấp cho Bà Lê Thị Trúc L để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng. Các bị cáo sử dụng số tiền chiếm đoạt của bà Liễu chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả từ bà T với số tiền 30.750.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 479/KLGD-TT ngày 10/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CP 585259, đứng tên Lâm Tuấn K, đề ngày 02/02/2021 cần giám định là giả.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại,

người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, và xâm phạm đến Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng các bị cáo vẫn tìm cách giao dịch, đặt người khác làm giấy tờ giả để sử dụng, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, cụ thể là tiền của các bị hại để tiêu xài, thỏa mãn tư lợi riêng cho cá nhân của các bị cáo.

Từ phân tích trên, xét thấy tại Bản cáo trạng số: 192/CT-VKS.CC ngày 26/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi và tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm đối với các hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội, nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp.

Lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với cả 02 tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo Đ thừa nhận bị cáo là người chủ mưu, rủ rê bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội, nhưng do bị cáo Đ có con nhỏ sinh năm 2021 nên cần xem xét các bị cáo có mức hình phạt ngang nhau là phù hợp.

[2] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, ký hiệu CP585259, Sổ vào sổ cấp GCN: CS16489

và 01 tờ giấy vẽ sơ đồ lô đất diện tích 10m x 68m thuộc ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, là vật chứng kèm theo hồ sơ, nên tiếp tục tịch thu, lưu giữ hồ sơ vụ án theo quy định.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen thu của bị cáo Khôi, và tại phiên tòa bị cáo xin trả lại, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo K không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp; đối với 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu đỏ thu của bị cáo Đ, sử dụng để liên lạc với Quốc Đ thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước; Số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 30.750.000 đồng, cơ quan điều tra thu của bà Lê Thị Ngọc T, là số tiền các bị cáo trả cho bà T, bà T có đơn yêu cầu được trả lại số tiền 30.000.000 đồng mà bà đã cho các bị cáo mượn nên trả lại cho bà T là phù hợp, đối với số tiền 750.000 đồng còn lại, do tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và không yêu cầu trả lại nên Hội đồng xét xử cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Trúc L đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng do các bị cáo khắc phục nên không có yêu cầu gì thêm. Đối với bà Lê Thị Ngọc T có yêu cầu nhận lại số tiền 30.000.000 đồng, các bị cáo xác định đã trả cho bà T số tiền 30.750.000 đồng nhưng cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi đã thu lại, do vậy cần phải trả lại cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T trong tổng số tiền 30.750.000 đồng nêu trên.

[4] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Tuấn K 03 (ba) năm tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 ; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Tuấn K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội đã tuyên, buộc bị cáo Lâm Tuấn K phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 07/3/2022.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hoài Đ 03 (ba) năm tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hoài Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội đã tuyên, buộc bị cáo Trần Hoài Đ phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành.

[2] Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, ký hiệu CP585259, Số vào sổ cấp GCN: CS16489 và 01 tờ giấy vẽ sơ đồ lô đất diện tích 10m x 68m thuộc ấp Bầu Chứa, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ (tại bút lục số: 205, 206, 17).

Trả lại cho bị cáo Lâm Tuấn K 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu đen đã qua sử dụng theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 231 ngày 12/12/2022;

Trả lại cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 42/LNK-CSĐT-CSHS ngày 17/3/2022

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart màu đỏ, đã qua sử dụng theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 51 ngày 30/3/2022.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 42/LNK-CSĐT-CSHS ngày 17/3/2022.

[3] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lâm Tuấn K và Trần Hoài Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn là mười lăm ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thơ

